

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: Văn phòng HĐND-UBND xã Phước Thành
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm <ul style="list-style-type: none"> - Tên dự án: Duy tu, sửa chữa đường đi thôn 3 xã Phước Lộc (đoạn còn lại) - Tổng mức đầu tư: 5.000.000.000 đồng - Nguồn vốn: Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc TS&MN. - Loại, cấp công trình: Công trình giao thông; cấp IV
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại Xã Phước Thành, TP. Đà Nẵng tại bản vẽ số 01
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 180 ngày kể từ ngày khởi công
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 180 ngày kể từ ngày khởi công.
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Ngày bàn giao mặt bằng
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 1.29	<ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn quản lý dự án: _____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn quản lý dự án nếu có]; - Tư vấn giám sát là: _____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát]
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: ___ [Chủ đầu tư điền]
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng; Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có); Hồ sơ thiết kế được phê duyệt; Bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng; E-ĐKCT; E-ĐKC; E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu; E-HSMT và các tài liệu bổ sung E-HSMT (nếu có); Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

E-ĐKC 5.2	<p>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng.</p> <p>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến: khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</p> <p>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm: 7 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong .</p>
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: <i>Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 60 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</i></p>
E-ĐKC 8.2(d)	<p>Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.</p>
E-ĐKC 8.8(a)	<p>Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường</p>
E-ĐKC 8.11	<p>Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 07 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.</p>
E-ĐKC 9.3	<p>Nhà thầu đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.</p>
E-ĐKC 11.1	<p>Danh sách nhà thầu phụ: _____ [ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</p>
E-ĐKC 11.2	<p>Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng [Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT].</p>
E-ĐKC 11.4	<p>Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ:</p> <p>Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về tư cách, năng lực, kinh nghiệm hành nghề xây dựng ứng với phần công việc được giao, các công việc mà Nhà thầu chính giao cho Nhà thầu phụ.</p>

	Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụngoài danh sách sẽchỉđược thực hiện khi được CĐT chấp thuận.
E-ĐKC 19.1	<p>Yêu cầu về bảo hiểm:</p> <p>Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu</p>
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình: 12 tháng, kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng
E-ĐKC 21	<p>Thông tin về Công trường là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên dự án: Duy tu, sửa chữa đường đi thôn 3 xã Phước Lộc (đoạn còn lại) - Tổng mức đầu tư: 5.000.000.000 đồng - Chủ đầu tư: Văn phòng HĐND-UBND xã Phước Thành
E-ĐKC 24	<p>Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là:</p> <p><i>Ngày chủ đầu tư bàn giao mặt bằng.</i></p>
E-ĐKC 27.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải:</p> <p><i>Trong vòng 40 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng</i></p> <p>Giải quyết tranh chấp:</p> <p><i>Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 40 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Tòa Án theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.</i></p>
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày khởi công: _____ <i>[ghi ngày dự định khởi công].</i> - Ngày hoàn thành dự kiến: _____ <i>[ghi ngày hoàn thành dự kiến].</i>
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 07 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 7 ngày. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 22.029.000

E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: Theo thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu trong quá trình ký kết hợp đồng và đảm bảo theo quy định.
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	<p>Vật tư, máy móc, thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả các loại vật tư, vật liệu phục vụ công trình xây dựng trước khi đưa vào Xây lắp phải kiểm tra thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý theo quy định hiện hành. Vật tư, vật liệu đảm bảo chất lượng mới được sử dụng vào công trình xây dựng. - Máy móc, thiết bị thi công phải còn sử dụng tốt, còn thời hạn kiểm định đối với các máy móc, thiết bị thi công thuộc trong danh mục các thiết bị phải kiểm định an toàn. - Ngoài những nội dung quy định tại hướng dẫn này còn phải tuân theo những quy định của tiêu chuẩn, quy phạm chuyên ngành về công tác thí nghiệm đảm bảo chất lượng về vật liệu xây dựng và kết cấu, cấu kiện công trình xây dựng
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Trọn gói.
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 42.1	<ul style="list-style-type: none"> - Tạm ứng: <ul style="list-style-type: none"> + Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu không quá 30% giá trị hợp đồng. Giá trị cụ thể do Chủ đầu tư quyết định; tạm ứng theo hình thức chuyển khoản, kèm theo chứng từ bảo lãnh tạm ứng có chứng thực của ngân hàng (bản gốc). Số lần tạm ứng: 01 lần. + Thu hồi tạm ứng: Tiền tạm ứng sẽ được Chủ đầu tư thu hồi ngay từ lần thanh toán đầu tiên và không quá 03 tháng kể từ ngày được tạm ứng vốn - Thời gian tạm ứng: <ul style="list-style-type: none"> + Việc tạm ứng chỉ được thực hiện sau khi nhà thầu nhận bàn giao mặt bằng từ Chủ đầu tư. + Trong vòng 30 ngày làm việc sau khi Chủ đầu tư nhận được thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng, thư bảo lãnh tiền tạm ứng do Ngân hàng có uy tín phát hành và kế hoạch vốn đã được bố trí cho công trình
E-ĐKC 44.1	Phương thức thanh toán:

Thanh toán theo kế hoạch vốn được phân bổ. Thanh toán sau khi nhà thầu được nghiệm thu các khối lượng công việc thực tế hoàn thành. Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu theo kế hoạch vốn được phân bổ trong vòng 14 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ từ Nhà thầu (tất cả các hồ sơ liên quan từ khởi công đến giai đoạn thanh toán công trình), cụ thể như:

- Các kế hoạch, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng Xây lắp công trình.
- Các kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm trong quá trình thi công.
- Phiếu yêu cầu nghiệm thu.
- Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu bộ phận hoặc giai đoạn công trình trong quá trình Xây lắp.
- Hồ sơ hoàn công, nhật ký Xây lắp công trình (bản sao);
- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế trong giai đoạn thanh toán.
- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán (theo phụ lục 03a/TT), bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng đề nghị thanh toán
- Hóa đơn GTGT theo giá trị khối lượng nghiệm thu;
- Chứng từ, hóa đơn đầu vào.
- Các tài liệu khác theo quy định

a) Thanh toán 100% giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành đảm bảo chất lượng được nghiệm thu trong từng đợt. Trong đó: Chuyển về tài khoản nhận tiền thanh toán của Nhà thầu 90% giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành sau khi đã giảm trừ tiền tạm ứng; chuyển về tài khoản của Chủ đầu tư 10% giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành (bao gồm: 05% giữ lại cho việc bảo hành công trình và 05% giữ lại chờ quyết toán công trình)..

b) Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là 10% tổng giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành toàn bộ hạng mục công trình được nghiệm thu, Chủ đầu tư sẽ thanh toán lại cho Nhà thầu với quy định như sau:

- Giá trị giữ lại cho việc bảo hành công trình sẽ được thanh toán sau khi Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình hoặc Nhà thầu cung cấp bảo lãnh (không hủy ngang, thanh toán vô điều kiện) để thực hiện bảo hành công trình theo quy định về bảo hành tại hợp đồng.
- Giá trị giữ lại chờ quyết toán công trình, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu sau khi hồ sơ quyết toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt

E-ĐKC 45	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép</p> <p><i>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</i></p>
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 10 %
E-ĐKC 47.1(d)	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi có sự thay đổi về chính sách, pháp luật làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng; - Sự kiện bất khả kháng; - Thay đổi về thiết kế được duyệt; - Thay đổi tiến độ hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 70 của Luật Đấu thầu; - Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của chủ đầu tư
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	<p>Mức phạt:</p> <p>a) Nhà thầu vi phạm về thời hạn thực hiện hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Chủ đầu tư gây ra, thì Nhà thầu sẽ chịu phạt 0,05% giá Hợp đồng cho mỗi ngày chậm trễ (kể cả việc kéo dài tiến độ thực hiện Hợp đồng do Nhà thầu cung cấp lắp đặt không đảm bảo chất lượng nên phải tốn thời gian khắc phục, sửa chữa). Thời điểm xác định thời gian chậm trễ so với tiến độ Hợp đồng do Chủ đầu tư quyết định (tùy theo tình hình thực tế) dựa trên bảng tiến độ cung cấp lắp đặt thiết bị chi tiết được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>b) Phạt vi phạm chất lượng thi công (kể cả việc thi công sai so với hồ sơ thiết kế được duyệt): Sau khi có biên bản kết luận về vi phạm thi công của tư vấn giám sát hoặc kết luận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thì Nhà thầu chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục do vi phạm về chất lượng, đồng thời chịu phạt 10% giá trị công việc vi phạm chất lượng.</p> <p>c) Phạt vi phạm an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ: Nếu Chủ đầu tư chứng minh được Nhà thầu không tuân thủ bất cứ điều khoản nào về an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ, thì Nhà thầu phải khắc phục vi phạm và chịu phạt một khoản tiền phạt là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho mỗi</p>

lần vi phạm. Bằng chứng chứng minh có thể là biên bản hiện trường, chụp ảnh hoặc quay phim lỗi vi phạm.

d) Phạt về việc chậm nộp bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng so với yêu cầu của Hợp đồng này (bao gồm thời gian nộp và chất lượng thư bảo lãnh): Nhà thầu chịu phạt 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

đ) Phạt vi phạm nội quy công trường, cụ thể:

- Nếu Nhà thầu không cử người tham dự hoặc có cử người nhưng không đủ thẩm quyền theo quy định tham dự các cuộc họp giao ban theo yêu cầu của Chủ đầu tư mà không có lý do chính đáng, thì Nhà thầu phải chịu một khoản tiền phạt là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho mỗi lần vi phạm.
- Nếu Nhà thầu vi phạm không tuân thủ về thời gian bắt đầu hoặc kết thúc các cuộc họp mà không có lý do chính đáng, thì Nhà thầu phải chịu một khoản tiền phạt là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho mỗi lần vi phạm.

e) Phạt vi phạm điều động nhân lực so với nhân sự đã đề xuất và được Chủ đầu tư chấp thuận: Nhà thầu thiếu nhân sự chủ chốt sẽ bị phạt 1.000.000 đồng/01 người/01 ngày, thiếu công nhân lao động trực tiếp sẽ bị phạt 500.000 đồng/01 người/01 ngày.

f) Phạt chậm nộp hồ sơ quyết toán, chậm hoàn trả tiền thừa cho Chủ đầu tư được nêu tại Điều 25. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng của Hợp đồng này: Nhà thầu chịu phạt 0,05% giá Hợp đồng cho mỗi ngày chậm trễ.

g) Phạt khi Nhà thầu thi công gây nứt, lún, sụp đổ các công trình, vật kiến trúc lân cận:

- Phạt 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) khi giá trị khắc phục nhỏ hơn 10.000.000 đồng;
- Phạt 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) khi giá trị khắc phục từ 10.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng);
- Phạt 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) khi giá trị khắc phục trên 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng);

h) Phạt do Nhà thầu chậm nộp hồ sơ nghiệm thu đối với phần khối lượng đã thi công, bao gồm: Biên bản nghiệm thu và các hồ sơ pháp lý liên quan đảm bảo cho việc tổ chức nghiệm thu: Phạt 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho mỗi ngày chậm so với quy trình nghiệm thu đã được hai bên thống nhất.

i) Phạt do Nhà thầu chậm trình các hồ sơ cho Chủ đầu tư quy định tại Khoản 3, Điều 13 của Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng: Phạt 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho mỗi ngày chậm so với quy trình nghiệm thu đã được hai bên thống nhất.

k) Phạt do chậm trình cho Chủ đầu tư hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành với quy trình nghiệm thu đã được hai bên thống nhất: Phạt 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho mỗi ngày chậm so với quy định của Hợp đồng này.

l) Trong trường hợp do vi phạm của Nhà thầu mà dẫn đến Chủ đầu tư

	<p>phải chịu phạt liên trách nhiệm thì Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí nộp phạt cho Chủ đầu tư.</p> <p>m) Phạt về việc chậm nộp hồ sơ bảo hiểm đối với trách nhiệm của Nhà thầu theo quy định tại Hợp đồng này (bao gồm thời gian nộp và chất lượng hồ sơ bảo hiểm): Nhà thầu chịu phạt 0,05% giá Hợp đồng cho mỗi ngày chậm trễ.</p> <p>Tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP. Ngoài ra, đối với các vi phạm khác, Nhà thầu sẽ bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng. Ngoài mức phạt nêu trên, Nhà thầu vi phạm Hợp đồng còn phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư, bên thứ ba (nếu có) theo quy định.</p>
E-ĐKC 49.2	<p>Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>- <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</i></p>
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: <i>không áp dụng.</i>
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: _____ [<i>ghi thời gian bàn giao công trình</i>].
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: _____ [<i>ghi thời gian nộp bản vẽ hoàn công</i>].
E-ĐKC 55.2	<p>Số tiền giữ lại:</p> <p style="text-align: center;">220.288.000 đồng.</p>
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong <i>60 ngày</i> kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.